

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **153/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 22/4/2024

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hoàng Văn Long**

2. Bà Lê Thị Thu Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Ông Tô Xuân Tùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/HNGĐ ngày 08/3/2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam

- Bị đơn: **Anh Đặng Đình C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội.

(chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án đề ngày 02/3/2024, bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:**

Chị và anh Đặng Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam ngày 11/7/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam với gia đình chị T cho đến

thời gian gần đây do mâu thuẫn vợ chồng nên anh C đã chuyển về ở tại thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội còn chị T vẫn sinh sống ở địa chỉ trên cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T đã trao đổi và nhiều lần cho anh C cơ hội để anh C chấm dứt mối quan hệ này cũng như vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến nay chị T không còn tình cảm gì với anh C, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Hải M, sinh ngày 02/01/2023. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu M. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm điều dưỡng của phòng khám đa khoa Hà Nam, thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà đất chung, về nợ: anh chị không có, không tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

**** Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2024, biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn là anh Đặng Đình C trình bày:***

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam ngày 11/7/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam với gia đình chị T cho đến thời gian gần đây do mâu thuẫn vợ chồng, chị T nộp đơn xin ly hôn nên anh C đã chuyển về ở tại thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, nơi ăn chốn ở, anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng anh đã nhận ra những lỗi lầm của mình và đã từ bỏ mối quan hệ này. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm của anh với chị T vẫn còn, con anh chị còn bé cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị chị T rút đơn ly hôn để anh có thời gian thay đổi bản thân và để chị T nhìn nhận được sự thay đổi của anh, để anh bù đắp cho vợ con, trong khoảng thời gian 6 tháng đến 1 năm nếu anh không thay đổi chị T có thể nộp lại đơn xin ly hôn anh, lúc đó anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Hải M, sinh ngày 02/01/2023. Anh C không muốn vợ chồng ly hôn nhưng chị T cương quyết xin ly hôn

nên anh cũng đồng ý giao cháu Đặng Vũ Hải M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nhà đất chung, về nợ: anh chị không có, không tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết việc gì khác.

Tại phiên tòa:

- Chị Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đặng Đình C có mặt và giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn chị T, trường hợp phải ly hôn anh C cũng đồng ý giao con chung là cháu Đặng Vũ Hải M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Về tài sản chung, nhà đất chung, về nợ: anh chị không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi nên hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Hải M, sinh ngày 02/01/2023. Chị T và anh C đều có nguyện vọng giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Xét thấy cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị T và anh C đều có nguyện vọng tiếp tục giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng giáo dục.

Căn cứ điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

- Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đặng Vũ Hải M, sinh ngày 02/01/2023. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Anh C có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
- Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ: Không có nên không xem xét.
- Chị T phải nộp án phí LHST theo quy định.
- Anh C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Đình C hiện đang cư trú tại thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với các đương sự trong vụ án nhưng nguyên đơn là chị Vũ Thị T đã có lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử xác định việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với chị T là phù hợp với quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị T và anh Đặng Đình C xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 11/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C do tình cảm vợ chồng không còn, anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mặc dù chị đã cho anh C nhiều cơ hội nhưng anh C không thay đổi đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Anh C xác nhận vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, nơi ăn chốn ở, anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ với chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Đặng Đình C.

2.2. Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Hải M,

sinh ngày 02/01/2023. Hiện nay cháu M đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh C đều có quan điểm giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện đang ở với chị T, chị T có đủ điều kiện để chăm sóc con, cháu M được nuôi dưỡng phát triển bình thường. Để đảm bảo ổn định trong cuộc sống, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Vũ Hải M cho chị Vũ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ: Trong đơn ly hôn, bản tự khai, các biên bản làm việc, hòa giải và tại phiên tòa chị T và anh C cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, nhà đất chung, công nợ, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST, anh Đặng Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Đặng Đình C.

2. Về con chung: Xác nhận chị Vũ Thị T và anh Đặng Đình C có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Hải M, sinh ngày 02/01/2023. Giao chị Vũ Thị T nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Vũ Hải M, anh C cấp dưỡng nuôi con chung là

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ: chị Vũ Thị T và anh Đặng Đình C không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0007016 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Đặng Đình C phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết;

Anh Đặng Đình C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm